

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ ĐỨC – TP HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 3 - 2018.

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tố.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Tráng

Ông Lê Mạnh Nhanh

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Vinh, thư ký TAND huyện Mỹ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Nhâm - Kiểm sát viên.

Ngày 28/3/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXX-ST ngày 01 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Dương Thùy D**, sinh năm 1986. Có mặt.

ĐKHTTT: thôn H, xã P, Mỹ Đức, TP Hà Nội.

Cư trú: thôn Đ, xã N, TP N, tỉnh N.

Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn M**, sinh năm 1989 vắng mặt.

Cư trú: thôn H, xã P, huyện M, TP Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Dương Thùy D và anh Nguyễn Văn M tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Mỹ Đức ngày 02/4/2012. Sau khi cưới vợ chồng anh chị hạnh phúc được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân theo chị D do anh M không tu chí làm ăn, bài

bạc thua tha dẫn tới mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2013. Theo anh M do chị D ngoại tình, không chăm lo cho hạnh phúc gia đình nên vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2016 đến nay không ai còn quan tâm đến ai. Chị D sống ở thành phố N còn anh M về quê ở xã P, huyện Mỹ Đức.

Chị D xin ly hôn anh M nhất trí.

Về con chung: vợ chồng anh chị có một cháu Nguyễn Anh Đ sinh ngày 17/02/2013. Từ khi vợ chồng ly thân cháu Đ ở với mẹ. Tháng 11/2017 anh M đón cháu về ở với anh. Trường hợp vợ chồng ly hôn cả hai anh chị đều tha thiết xin được nuôi con không yêu cầu bên kia cấp dưỡng.

Anh chị không có tài sản, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm.

Tại phiên toà Kiểm sát viên có ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án toà án đã thực hiện đầy đủ các quy định về pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của chị D phù hợp với quy định tại Điều 28 BLTTDS nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Anh Nguyễn Văn M là bị đơn đã được giao các văn bản tố tụng hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về hôn nhân: Anh M và chị D kết hôn hợp pháp tháng 4/ 2012. Cuối 2013 vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng. Cả hai anh chị đều cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân, đến nay cả hai anh chị đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn. Chị D xin ly hôn. Anh M đồng ý. Xét thấy hôn nhân anh chị thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bởi vậy toà án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Anh Đ sinh ngày 17/02/2013. Từ nhỏ đến nay cháu Đ ở với mẹ là chính. Chị D có công

việc ổn định, có thu nhập; còn anh M theo chị D anh M thường xuyên công tác xa nhà không có thời gian chăm sóc con nên chị tha thiết xin được nuôi cháu. Bởi vậy sau ly hôn cần giao con cho chị D tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Việc cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu nên hoãn cho đến khi có yêu cầu mới.

Anh chị không có tài sản chung không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì chị D phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; **Xử:**

1. Chị Dương Thùy D được ly hôn anh Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Anh Đ sinh ngày 17/02/2013. Sau ly hôn giao cháu Đ cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh M do chị D không có yêu cầu.

Chị D và gia đình không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con của anh M.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Xác nhận anh chị không có, không yêu cầu toà giải quyết.

3. Về án phí: Chị Dương Thùy D phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Đối trừ với số 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001725 ngày 19/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức chị D không còn phải nộp nữa.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đối với chị D; kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết đối với anh M.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKS ND huyện Mỹ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Đức;
- UBND xã P
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ VA.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Tố